



*Người đại diện theo ủy quyền:* ông **Ngô Văn Th**; chức vụ: Phó Chủ tịch, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

- Ông **Nguyễn Văn Ph**; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, có mặt;

- Bà **Đặng Thị Thanh Nh**; chức vụ: Trưởng phòng Tư pháp, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Ông **Đinh Tiến D**; chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E, có mặt.

### **3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- **UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.**

*Người đại diện theo pháp luật:* ông **Cao Thanh H1**; chức vụ: Chủ tịch, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk:* bà **Lê Thị Hồng Th1**; chức vụ: Công chức địa chính - xây dựng xã C, huyện E, có mặt.

- Bà **Lý Thị S**, ông **Đàm Văn K**, ông **Ngô Văn Tr**, ông **Ma Văn T2**, bà **Nguyễn Thị Nh1**, bà **Đàm Thị Nh2**.

Cùng địa chỉ cư trú: thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông **Nguyễn Trung X**, địa chỉ cư trú: tổ dân phố 3, thị trấn E1, huyện C1, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

\* *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **\* Người khởi kiện trình bày:**

Năm 1993 gia đình người khởi kiện từ Cao Bằng chuyển về lập nghiệp và sinh sống tại xã Ea Lê. Đến năm 1998 xã C được thành lập, khu vực người khởi kiện ở thành xã C.

Năm 2000, Nhà nước quy hoạch khu dân cư mới và vận động nhân dân từ nơi ở cũ lên khu vực quy hoạch hiện nay (trong đó có gia đình người khởi kiện). Tại thời điểm đó, UBND huyện E có chủ trương mỗi hộ dân chuyển lên khu quy hoạch mới sẽ được Nhà nước hỗ trợ 800.000 đồng (nhưng sau này không được), gia đình người khởi kiện đã tự nguyện di dời lên chỗ ở mới của Nhà nước quy hoạch và được cấp 01 lô thổ cư diện tích 1.200m<sup>2</sup>. Đồng thời, tại thời điểm đó UBND xã tiến hành làm con đường nội đồng đi qua khu vực đất sản xuất và đất ở của gia đình người khởi kiện trước khi chuyển qua khu quy hoạch mới, con đường nội đồng này đi qua phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện; Đầu tiên gia đình người khởi kiện không đồng ý với việc thu hồi đất ở để làm

đường, tuy nhiên sau khi hòa giải, đôi thoại đưa ra phương án hoán đổi thửa đất làm đường bằng 01 xuất đất Nhà nước giao tại thời điểm đó với diện tích là 1.200m<sup>2</sup> thì gia đình người khởi kiện đồng ý.

Năm 2003, UBND xã mở rộng con đường theo Chương trình 135, do diện tích làm đường đi quanh đất nhà người khởi kiện lên đến 6.930m<sup>2</sup> (Có biên bản kiểm tra xác minh hiện trường lập ngày 07/4/2003 của UBND xã). Sau đó, UBND xã vận động gia đình người khởi kiện tiếp tục hiến đường. Tổng diện tích đất của gia đình người khởi kiện bị mất khi nhà nước làm đường là 6.930 m<sup>2</sup>, và nhà nước đã hoán đổi cho gia đình người khởi kiện diện tích đất là 1.866 m<sup>2</sup>. Sau khi có thỏa thuận hoán đổi đất thì gia đình người khởi kiện đã bàn giao diện tích đất là 6.930 m<sup>2</sup> cho UBND xã làm đường và nhận diện tích đất 1.866 m<sup>2</sup> đất được hoán đổi để sử dụng cho đến nay.

Vì người khởi kiện không hiểu biết nên từ đó đến nay vẫn chưa liên hệ với Nhà nước để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất đã hoán đổi từ những năm 2000 và 2003 và gia đình người khởi kiện đã chuyển nhượng một phần thửa đất cho các hộ dân là gia đình ông Đàm Văn K, ông Ngô Văn Tr, bà Lý Thị S để làm nhà ở và canh tác trên đất. Năm 2021, người khởi kiện liên hệ với chính quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa thì được xã trả lời là diện tích đất này thuộc đất quy hoạch công trình công cộng nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không đồng ý với việc trả lời của UBND xã, người khởi kiện tiếp tục có đơn kiến nghị đến UBND huyện E thì đến cuối năm 2022 được trả lời từ Ban tiếp công dân là diện tích đất của gia đình người khởi kiện đang sử dụng từ năm 2000 đến nay đã được UBND huyện E ban hành quyết định thu hồi từ năm 2010; tuy nhiên đến ngày 28/02/2023 gia đình người khởi kiện mới nhận được quyết định thu hồi đất bản phô tô.

Vì lý do nêu trên, người khởi kiện nhận thấy việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 1535/QĐ- UB ngày 29/10/2010 thu hồi diện tích đất 1.866 m<sup>2</sup> của người khởi kiện với lý do người khởi kiện tự ý lấn chiếm đất công là không có cơ sở vì vậy yêu cầu Tòa án hủy Quyết định này.

Ngày 04/8/2023, người khởi kiện có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Thông báo số 266/TB-UBND ngày 19/5/2022 của UBND huyện E vì liên quan đến Quyết định 1535 nói trên, có nội dung tiếp tục thu hồi diện tích đất nói trên của người khởi kiện, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:**

Ngày 06/11/2009, UBND huyện E ban hành Quyết định số 1827/QĐ- UBND về việc thành lập Tổ kiểm tra, xác minh việc vi phạm về quản lý đất đai và bảo vệ rừng trên địa bàn xã C, huyện E. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Tổ kiểm tra có Báo cáo số 01/BC-TKT ngày 28/2/2010. Theo đó, bà Long Thị T sử dụng đất tại thửa

đất số 197 tờ bản đồ số 15 là tự ý lấn chiếm và sử dụng bất hợp pháp 1.866m<sup>2</sup> đất quy hoạch công trình công cộng của xã, vi phạm điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định 182/2004/NĐ-CP. Do đó, Tổ kiểm tra đã kiến nghị UBND huyện thu hồi diện tích đất nêu trên. Trên cơ sở kiến nghị này, UBND huyện ban hành Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 27/5/2010 về việc giải quyết nội dung theo Báo cáo kết luận của Tổ kiểm tra. Ngày 29/10/2010, UBND huyện ban hành Quyết định số 1535/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Long Thị T là đúng với quy định Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Đại diện theo pháp luật UBND xã C - Ông Cao Thanh Hoài - Chủ tịch, trình bày:

Ngày 06/11/2009, UBND huyện E ban hành Quyết định số 1827/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ kiểm tra, xác minh việc vi phạm về quản lý đất đai và bảo vệ rừng trên địa bàn xã C. Trên cơ sở kiến nghị của Tổ kiểm tra, UBND huyện ban hành Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 27/5/2010 về việc giải quyết nội dung theo Báo cáo kết luận của Tổ kiểm tra. Theo đó, UBND huyện quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi phạm, có hộ bà Long Thị T bị thu hồi 1.866m<sup>2</sup> đất quy hoạch công trình công cộng xã tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 15 do lấn chiếm, sử dụng trái phép đất đai; đồng thời, UBND huyện ban hành Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 về việc thu hồi diện tích đất nói trên.

Sau khi ban hành Quyết định thu hồi đất nói trên, ngày 07/12/2010 UBND xã C ban hành Thông báo số 38/TB-UBND về việc thực hiện Quyết định số 1535/QĐ-UBND của UBND huyện gửi hộ bà Long Thị T đề nghị bà T nghiêm túc thực hiện. Sau khi UBND huyện thu hồi đất, một số hộ dân có Đơn xin mua lại đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Ngày 20/10/2011, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 5387/UBND-NN&MT về chủ trương giao đất cho các hộ bị thu hồi đất tại xã Ea Rôk và xã C, huyện E để sử dụng vào mục đích đất ở (trong đó có hộ Long Thị T).

Ngày 02/7/2012, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1397/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất ở để thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất cho các hộ trên địa bàn huyện E, cụ thể hộ bà Long Thị T: Vị trí thửa đất: Thửa đất số 197a, tờ bản đồ số 15, xã C, Diện tích: 590m<sup>2</sup> Hệ số góc: 1,2. Giá đất ở: Diện tích đất trong hạn mức giao đất ở: 270.000 đồng/m<sup>2</sup>; diện tích đất vượt hạn mức giao đất ở: 297.000 đồng/m<sup>2</sup> (Giá đất trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định và có giá trị đến hết ngày 31/12/2012).

Thực hiện Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk, ngày 16/7/2012, UBND huyện ban hành Thông báo số 99/TB-UBND về giá đất ở để thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất cho các hộ trên địa bàn xã C để

các hộ gia đình được giao đất biết và thực hiện nộp tiền sử dụng đất theo quy định; đến ngày 14/11/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có Công văn số 43/PTNMT về việc nộp tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất cho các hộ dân tại xã Ea Rôk và C. Tuy nhiên, hộ bà Long Thị T chưa thực hiện nộp tiền sử dụng đất.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm các ông, bà: Lý Thị S, Đàm Văn K, Ngô Văn Tr, Ma Văn T2, Nguyễn Thị Nh1, Đàm Thị Nh2 và người đại diện theo ủy quyền thống nhất với nội dung trình bày của người khởi kiện.*

**Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 170/2023/HC-ST ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện của bà Long Thị T.

- Hủy Quyết định số 1535/QĐ- UBND ngày 29/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất của hộ bà Long Thị T.

- Hủy Thông báo số 266/TB-UBND ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc tiếp công dân Long Thị T.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/10/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Long Thị T.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Ngày 17/10/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa:

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E :

[2.1]. Xét đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện:

[2.1.1]. Đối tượng khởi kiện:

Ngày 29/10/2010, UBND huyện E ban hành Quyết định số 1535/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.866m<sup>2</sup> tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 15 loại đất quy hoạch công trình công cộng do UBND xã C quản lý nhưng bị hộ bà Long Thị T lấn chiếm trái phép.

Bà T cho rằng đây là phần đất Ủy ban xã đã hoán đổi cho gia đình bà khi bà đã hiến đất làm đường nông thôn mới, cho rằng UBND huyện thu hồi đất không đúng quy định của pháp luật, năm 2023 bà T đã khiếu nại đến UBND huyện E đề nghị xem xét lại Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 nêu trên. Ngày 19/5/2022, UBND huyện E ban hành Thông báo số 266/TB-UBND không xem xét đơn khiếu nại vì đã hết thời hạn khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại. Cho rằng Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 và Thông báo số 266/TB-UBND ngày 29/5/2022 của UBND huyện E xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của gia đình nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định thu hồi đất số 1535/QĐ-UBND và Thông báo số 266/TB-UBND nêu trên.

- Xét Quyết định thu hồi đất số 1535/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND huyện E là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính;

- Xét Thông báo số 266/TB-UBND ngày 19/5/2022 của UBND huyện E có nội dung thông báo cho bà Long Thị T biết đơn khiếu nại về việc thu hồi đất của Bà đối với Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại và thửa đất bị thu hồi hiện đang được giao cho UBND xã C quản lý. Xét thấy nội dung Thông báo số 266/TB-UBND nêu trên không làm phát sinh thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên không thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm viện dẫn: mục 4 phần III của Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao: “*Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản bằng hình thức Công văn, Thông báo, ... có nội dung thể hiện diễn biến việc ra quyết định hành chính, quá trình xác minh khiếu nại, từ đó căn cứ các quy định của pháp luật để ra kết luận đối với việc khiếu nại thì xác định văn bản hành chính này là quyết định giải quyết khiếu nại. Văn bản này có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên được xác định là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Khi giải quyết vụ án thì Tòa án phải*

*xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính ban đầu*”, từ đó xác định Thông báo số 266/TB-UBND ngày 19/5/2022 nêu trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, nhận định trên của cấp sơ thẩm là không hiểu đúng tinh thần hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao; bởi lẽ cũng tại Công văn số 89/TANDTC-PC nêu trên hướng dẫn rõ **“Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản bằng hình thức Công văn, Thông báo, ... có nội dung cho rằng việc khiếu nại đã hết thời hiệu theo quy định của pháp luật thì văn bản hành chính này không phải là quyết định giải quyết khiếu nại và không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính”**. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu của bà T đề nghị hủy Thông báo số 266/TB-UBND ngày 19/5/2022 của UBND huyện E là áp dụng không đúng pháp luật, xác định không đúng đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

[2.1.2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Theo Sổ mục kê đất đai của xã C, huyện E ngày 23/12/2006, diện tích 1.866m<sup>2</sup> tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 15 là đất quy hoạch công trình công cộng của xã. Trên cơ sở Báo cáo số 01/BC-TKT của Tổ kiểm tra 1827 UBND huyện E báo cáo kết quả kiểm tra xác minh một số nội dung về quản lý bảo vệ rừng và quản lý sử dụng đất tại xã C theo Quyết định số 1827, 2322/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 và ngày 10/12/2009 của UBND huyện E; ngày 29/10/2010, UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất số 1535/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.866m<sup>2</sup> tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 15 do bà Long Thị T đang lấn chiếm trái phép; thực hiện quyết định thu hồi đất nêu trên, UBND xã C ban hành Thông báo số 38/TB-UBND gửi bà Long Thị T biết chủ trương thu hồi đất tại Quyết định số 1535/QĐ-UBND. Bà T không đồng ý với quyết định thu hồi đất của UBND huyện E nên đã gửi văn bản kiến nghị đến UBND huyện E. Ngày 13/9/2010, UBND nhân dân huyện E đã nhận được đơn kiến nghị của bà T, trong đơn bà T trình bày đã biết được chủ trương thu hồi thửa đất 197 nhưng bà không đồng ý (bút lục 64). Ngày 24/12/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E tổ chức buổi làm việc với bà Long Thị T, đã thông báo cho bà T biết Quyết định thu hồi đất số 1535/QĐ-UBND, bà T có nguyện vọng xin mua lô đất đã bị thu hồi theo giá đất của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định và đề nghị được mua đất theo chủ trương của UBND huyện (bút lục 177). Ngày 09/10/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E tổ chức buổi làm việc với bà Long Thị T, đã thông báo cho bà T biết chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 về việc phê duyệt giá đất ở để thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất cho các hộ dân trên địa bàn huyện E (bút lục 10), theo đó Nhà nước cho gia đình bà T mua lại phần diện tích đất có vật kiến trúc là 590m<sup>2</sup> với giá 270.000 đồng/m<sup>2</sup> nhưng hộ bà T không đồng ý trả lại đất và chủ trương giao đất có thu tiền sử dụng đất của Ủy ban (bút lục 63). Ngày 16/7/2012, UBND huyện E ban hành văn bản số 99/TB-UBND thông báo cho các hộ dân trên địa bàn xã C (trong đó có hộ bà T) về giá đất ở để thu tiền sử dụng đất.

Ngày 14/11/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E ban hành Văn bản số 43/PTNMT thông báo cho hộ bà Long Thị T nộp tiền sử dụng đất nhưng bà T không thực hiện theo các Thông báo của UBND huyện E cũng như Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính để yêu cầu hủy quyết định hành chính là 01 năm kể từ ngày biết được quyết định hành chính.

Căn cứ nhận định, phân tích ở trên thì có đầy đủ cơ sở xác định bà Long Thị T đã biết được Quyết định thu hồi đất số 1535/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND huyện E từ năm 2010 nhưng đến ngày 31/3/2023 bà T mới khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số thu hồi đất số 1535/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 nêu trên là đã hết thời hiệu khởi kiện.

[2.2]. Việc bà T trình bày trong đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng năm 2023 bà mới nhận được Quyết định thu hồi đất số 1535/QĐ-UBND là không đúng sự thật. Lẽ ra, sau khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính để ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án mới đúng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để xem xét tính có căn cứ và hợp pháp của Quyết định thu hồi đất số 1535/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 và xác định Thông báo số 266/TB-UBND ngày 19/5/2022 là đối tượng khởi kiện, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Long Thị T là áp dụng không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, đơn kháng cáo của người bị kiện UBND huyện E về nội dung trên là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Vụ án thuộc trường hợp bị đình chỉ do thời hiệu khởi kiện đã hết nên bà Long Thị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 4 Điều 241; điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính;

- Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 170/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ giải quyết vụ án.



2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: căn cứ khoản 2 Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính.

Bà Long Thị T phải chịu 11.000.000 (Mười một triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bà T đã nộp tạm ứng 11.000.000 (Mười một triệu) đồng (đã chi hết). Bà Long Thị T đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: căn cứ Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 7 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**3.1. Về án phí hành chính sơ thẩm:**

Người khởi kiện bà Long Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng (do ông Ngô Văn Tr nộp thay) theo Biên lai thu số 0001596 ngày 21/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà Long Thị T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

**3.1. Về án phí hành chính phúc thẩm:**

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện E số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0004612 ngày 10/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Đức Kiên**